

Bản án số: 982/2024/HC-PT
Ngày 10 tháng 9 năm 2024
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực bồi thường đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu
Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Long
Ông Hà Huy Cầu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Hà - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Lê Công Thành - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 463/2024/TLPT-HC ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường đất đai", do Bản án hành chính sơ thẩm số 187/2023/HC-ST ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2468/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Ông Lê Đình A, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số C P, phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số C P, phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là "UBND") thành phố V; Địa chỉ: Số H L, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Phạm Huy L; Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường (vắng mặt);

- Bà Nguyễn Thị Phương T; Chức vụ: Chuyên viên Phòng T2 (có mặt).

2. UBND tỉnh B; Địa chỉ: Số A P, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Phạm Văn M; Chức vụ: Phó Giám đốc Sở T3 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Ông Nguyễn Thành N; Chức vụ: Chuyên viên Sở T3 (có mặt).

- **Người kháng cáo:** Người bị kiện UBND thành phố V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Người khởi kiện, ông Lê Đình Á yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung:**

Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 6 năm 2023 (BL 50-51) và đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện (BL 52), ông Lê Đình Á khởi kiện UBND thành phố V, UBND tỉnh B yêu cầu Tòa án:

- Hủy một phần Quyết định số 3300/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường khi thực hiện Bản án hành chính phúc thẩm số 513/2020/HC-PT, 514/2020/HC-PT, 557/2020/HC-PT ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (dự án Nhà bảo tàng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, phường A, thành phố V) (sau đây gọi tắt là “*Quyết định 3300*”) đối với phần áp giá bồi thường quy định tại Điều 1 của Quyết định này.

- Hủy một phần Quyết định số 1970/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2023 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Lê Đình Á, địa chỉ thu hồi số B T, phường A, thành phố V, do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nhà bảo tàng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, phường A, thành phố V theo Bản án số 557/2020/HC-PT ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “*Quyết định 1970*”) đối với phần áp giá năm 2010; vị trí đất và phần hỗ trợ đất tại điểm A và E Điều 1 Quyết định này.

- Buộc UBND tỉnh B và UBND thành phố V thực hiện công vụ về bồi thường đất theo giá thị trường tại thời điểm chi trả bồi thường đối với 903,8m² đất ở vị trí 2 đường loại 1, trong đó có 230m² đất ở đô thị, 673,8m² đất nông nghiệp và hỗ trợ 50% giá đất ở đối với 673,8m² đất nông nghiệp (do diện tích này nhỏ hơn 05 lần hạn mức giao đất của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) như quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP và khoản 1 Điều 11 Quyết định số 13/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2010 của UBND tỉnh B.

Lý do khởi kiện:

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, UBND thành phố V ban hành Quyết định 1970. Tuy nhiên, Quyết định nói trên tiếp tục vi phạm các quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của ông Á. Cụ thể như sau:

*** Thời điểm xác định giá đất tại Quyết định 1970 không đúng quy định:**

Tại thời điểm có Quyết định số 5326/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2010 (sau đây gọi tắt là “*Quyết định 5326*”), việc tính giá đất bồi thường được quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP. Việc bồi thường chậm được xử lý theo quy định tại khoản 4 Điều 39 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP và điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP.

Như vậy, khi bồi thường cho ông Á phải tính giá đất thị trường tại thời điểm chi trả bồi thường. Nhà nước chi trả bồi thường năm 2023 nhưng tính giá đất năm 2010 là trái quy định.

Nay UBND thành phố V cho rằng trường hợp của ông Á áp dụng khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 (giá đất cụ thể tại thời điểm thu hồi đất) để khảo sát giá năm 2010 là không đúng. Khoản 2 Điều 74 áp dụng cho những trường hợp thu hồi đất từ khi Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2014). Vì đi cùng với khoản 2 Điều 74 là Điều 69, Điều 103 của Luật và nếu Nhà nước chậm chi trả thì áp dụng khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013.

Khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “*Trường hợp cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường chậm chi trả thì khi thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi, ngoài tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì người có đất thu hồi còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả*”.

Như vậy, nếu áp dụng khoản 2 Điều 74 như ý kiến của UBND thành phố V thì phải tính lại loại đất theo Điều 103 và tiền chậm trả theo quy định của khoản 2 Điều 93 từ năm 2010 đến nay.

Luật Đất đai từ trước đến nay luôn bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người dân, cho nên xuyên suốt quá trình lập pháp, khi Nhà nước có lỗi thì đều áp dụng giá đất tại thời điểm chi trả. Do đó dự thảo Luật Đất đai sửa đổi cũng trên chủ trương này. Khoản 5 Điều 93 Luật Đất đai sửa đổi sắp được Quốc hội thông qua quy định về thời điểm xác định giá như sau: “*Trường hợp có khiếu nại, khiếu kiện về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mà kết quả giải quyết khiếu nại, khiếu kiện phải chỉnh sửa, bổ sung phương án thì giá đất, giá tài sản để tính bồi thường được xác định tại thời điểm ban hành quyết định điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trường hợp tại thời điểm ban hành quyết định điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mà giá đất, giá tài sản thấp hơn so với giá đất, giá tài sản trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt thì áp dụng giá bồi thường trong phương án đã phê duyệt*”.

* *Quyết định 1970 áp dụng sai vị trí đất bồi thường*: Đất của ông Á thuộc vị trí 2 đường loại 1, nhưng phương án bồi thường tại Quyết định 5326 là vị trí 3 nên ông Á khởi kiện và được Tòa án chấp nhận, cụ thể: Tại mục [4.2] Bản án hành chính phúc thẩm số 557/2020/HC-PT ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “*Bản án 557*”), “xét thấy Quyết định 5326 bồi thường đất của ông Á theo vị trí 3 là chưa

đủ cơ sở vững chắc nên kháng cáo của ông Á (yêu cầu bồi thường đất ở vị trí 2) được chấp nhận”. Nhưng khi ban hành Quyết định 1970, UBND thành phố V lại tiếp tục bồi thường đất ở vị trí 3 là không đúng với thực tế, trái với quy định của pháp luật và Bản án 557.

** Quyết định 1970 chưa tính hỗ trợ đối với đất nông nghiệp theo quy định của pháp luật:*

Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP quy định: Hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong khu dân cư và đất vườn, ao không được công nhận là đất ở: “*Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư nhưng không được công nhận là đất ở; đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở riêng lẻ; đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở dọc kênh mương và dọc tuyến đường giao thông thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm còn được hỗ trợ bằng 30% - 70% giá đất ở của thửa đất đó; diện tích được hỗ trợ không quá 05 lần hạn mức giao đất ở tại địa phương; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể tỷ lệ hỗ trợ, diện tích đất được hỗ trợ và giá đất ở trung bình để tính hỗ trợ cho phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương*”.

Điều 11 Quyết định số 13/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2010 của UBND tỉnh B quy định: “*Hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong khu dân cư và đất vườn, ao không được công nhận là đất ở: 1. Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư nhưng không được công nhận là đất ở; đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở riêng lẻ; đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở dọc kênh mương và dọc tuyến đường giao thông thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm còn được hỗ trợ bằng 50% giá đất ở có vị trí tương ứng của thửa đất đó theo quy định trong Bảng giá đất của tỉnh*”.

Bản án 557 nhận định và UBND thành phố V, UBND tỉnh B cũng thừa nhận ông Á được bồi thường đủ diện tích đất thu hồi 903,8m² nhưng khi phê duyệt phương án bồi thường tại Quyết định 1970, UBND thành phố V chỉ tính bồi thường 230m² đất ở và 673,8m² đất nông nghiệp, chưa tính hỗ trợ 50% giá đất ở đối với đất nông nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP và khoản 1 Điều 11 Quyết định số 13/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2010 của UBND tỉnh B là không đúng quy định. Khi trừ đi 230m² đất ở, diện tích đất nông nghiệp còn lại của ông Á là (903,8m² - 230m²) = 673,8m², nhỏ hơn 05 lần hạn mức đất giao trên địa bàn tỉnh nên được hỗ trợ toàn bộ diện tích đất này.

Mặt khác, Bản án 557 xác định đất của ông Á thuộc vị trí 2; vì vậy, khi ban hành Quyết định 1970, UBND thành phố V phải bồi thường 903,8m² đất (trong đó có 230m² đất ở đô thị, 673,8m² đất nông nghiệp và hỗ 50% giá đất ở đối với 673,8m² đất nông nghiệp) theo giá đất ở vị trí 2 đường loại 1, sau đó trừ đi phần tiền gia đình ông Á đã nhận thì mới đúng quy định của pháp luật và đúng nội dung Bản án 557.

** Người bị kiện, UBND thành phố V có văn bản trình bày:*

Tại văn bản số 6833/UBND-TNMT ngày 08 tháng 9 năm 2023 của UBND thành phố V, không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình Á, với lý do:

** Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất:*

Ngày 24 tháng 10 năm 2002, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 8552/QĐ-UB thu hồi 18.159,4m² đất tại đường T, phường A, thành phố V và giao toàn bộ diện tích đất thu hồi trên cho Ban Q (nay là Ban Q1) để đầu tư xây dựng Nhà bảo tàng tỉnh.

Ngày 13 tháng 6 năm 2008, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2279/QĐ-UBND về việc thu hồi 903,8m² đất tại phường A, thành phố V do ông Lê Đình Á đang sử dụng để đầu tư xây dựng Nhà bảo tàng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là “*Quyết định 2279*”).

Ngày 18 tháng 11 năm 2010, UBND thành phố V ban hành Quyết định 5326 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông (bà) Lê Đình Á (người được ủy quyền là ông (bà) Đỗ Ngọc O - Phạm Thị T1), địa chỉ số B T, phường A, thuộc công trình Nhà bảo tàng tỉnh, phường A, thành phố V, trong đó:

- Diện tích đất thu hồi là 903,8m²;
- Diện tích đất bồi thường là 458,0m², gồm 150m² đất ở và 308,0m² đất nông nghiệp; hỗ trợ 50% giá đất ở đối với diện tích 308,0m², số tiền 1.580.824.000 đồng;
- Diện tích đất không bồi thường là 445,0m² (do nằm ngoài diện tích đăng ký sử dụng, không được phường công nhận);
- Bồi thường hoa màu, cây trái số tiền 9.283.150 đồng;
- Bồi thường nhà, vật kiến trúc số tiền 168.068.548 đồng;
- Giao 01 lô tái định cư;
- Hỗ trợ tiền thuê nhà 06 tháng và hỗ trợ di chuyển số tiền 13.000.000 đồng.

** Nội dung khiếu nại Quyết định 5326:*

- Yêu cầu bồi thường toàn bộ diện tích đất thu hồi 903,8m², trong đó có 230m² đất ở theo giá đất vị trí 2, đường loại 1 (đường T).

- Quyết định số 3440/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Chủ tịch UBND thành phố V giải quyết khiếu nại lần đầu, bác đơn, giữ nguyên Quyết định 5326.

- Quyết định số 1151/QĐ-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh B giải quyết khiếu nại lần hai, bác đơn, giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 3440/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2011.

** Nội dung khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh:*

- Yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 5326; hủy Quyết định số 3340/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2011; hủy Quyết định số 1151/QĐ-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2017;

- Buộc UBND cấp có thẩm quyền lập lại thủ tục thu hồi và bồi thường giá trị quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật, cụ thể: Bồi thường 903,8m², trong đó có 230m² đất ở; bồi thường diện tích 903,8m² theo giá đất vị trí 2, đường loại 1; điều chỉnh diện tích đất nông nghiệp được hỗ trợ theo giá đất ở lên thành 673,8m²; yêu cầu chi trả số tiền bồi thường đợt 2 theo giá đất năm 2011; tính tiền đền bù theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013.

** Kết quả Bản án sơ thẩm số 80/2019/HC-ST ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu:*

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình Ấ:

+ Hủy phần bồi thường 80m² đất nông nghiệp (trong diện tích 308m² đất nông nghiệp) để bồi thường bổ sung 80m² đất ở tại Mục A của Quyết định 5326.

+ Hủy phần giải quyết khiếu nại đối với nội dung bồi thường bổ sung đất ở và nội dung chi trả tiền bồi thường đợt 2 năm 2011 của Chủ tịch UBND thành phố V.

+ Buộc UBND cấp có thẩm quyền bồi thường bổ sung 80m² đất ở còn thiếu tại M A/Điều 1 Quyết định 5326.

+ Buộc cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường thực hiện chi trả tiền bồi thường đợt 2 năm 2011 (tương ứng với phần tiền bồi thường về đất chưa nhận trong năm 2010) cho hộ ông Lê Đình Ấ theo quy định.

** Nội dung khởi kiện tại Tòa án nhân dân cấp cao:*

- Yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 5326; Quyết định số 3440/QĐ-UBND và Quyết định số 1151/QĐ-UBND;

- Buộc UBND cấp có thẩm quyền lập lại thủ tục thu hồi và bồi thường giá trị quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật hiện hành, cụ thể: Bồi thường cho ông Ấ 903,8m² theo giá đất của vị trí 2, đường loại 1, trong đó có 230m² đất ở; điều chỉnh diện tích đất nông nghiệp được hỗ trợ theo giá đất ở lên thành 673,8m²; yêu cầu chi trả số tiền bồi thường đợt 2 theo giá đất năm 2011; tính tiền đền bù theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013.

** Kết quả Bản án 557:*

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình Ấ:

+ Hủy các Quyết định 5326; Quyết định số 3440/QĐ-UBND và Quyết định số 1151/QĐ-UBND.

+ Buộc cơ quan có thẩm quyền thực hiện chính sách bồi thường và chi trả tiền bồi thường cho hộ ông Lê Đình Ấ theo đúng quy định pháp luật.

** Quá trình thực hiện Bản án 557 và ban hành Quyết định 1970:*

Để thực hiện Bản án 557, UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 9400/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2022 phê duyệt dự toán kinh phí và chỉ định gói thầu tư vấn xác định giá đất cụ thể để tính bồi thường cho 03 hộ gia đình, cá nhân, trong đó có trường hợp ông Lê Đình Á. Theo đó, thời điểm khảo sát giá đất cụ thể là tháng 10 năm 2010, lý do như sau:

Trường hợp ông Lê Đình Á đã có Quyết định 2279 và Quyết định 5326. Ông Lê Đình Á đã nhận đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định 5326.

Bản án 557 chỉ hủy Quyết định 5326 mà không hủy Quyết định 2279 và yêu cầu thực hiện lại việc bồi thường, hỗ trợ theo quy định pháp luật.

Theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013 thì giá đất cụ thể được sử dụng để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Đồng thời, khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định: *“Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do UBND cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”*.

Do đó, giá đất tính bồi thường cho hộ ông Lê Đình Á được xác định tại thời điểm Nhà nước quyết định thu hồi đất vào năm 2008. Tuy nhiên, đến ngày 18 tháng 11 năm 2010, UBND thành phố V mới ban hành Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông Á, thời điểm này giá đất thị trường cao hơn tại thời điểm năm 2008. Do đó, UBND thành phố V xác định thời điểm khảo sát giá đất năm 2010 là phù hợp với hồ sơ pháp lý, quy định về thu hồi, bồi thường.

Trên cơ sở Chứng thư thẩm định giá số 1871/2022/VLAND-HCM do Công ty TNHH T4 giá Đất Việt lập ngày 29 tháng 6 năm 2022, sau khi kiểm tra, rà soát, UBND thành phố V đã có Tờ trình số 7486/TTr-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2022 trình phương án giá đất cụ thể để Sở T3 thẩm tra theo quy định.

Sau khi thẩm tra, Sở T3 đã có Tờ trình số 6022/TTr-STNMT ngày 08 tháng 9 năm 2022 về việc trình phương án giá đất cụ thể để Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể tỉnh họp xét.

Ngày 11 tháng 10 năm 2022, Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể tỉnh tổ chức họp, xét duyệt.

Đến ngày 12 tháng 10 năm 2022, Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể tỉnh có văn bản số 133/STC-HĐTĐGDCT thống nhất với phương án giá đất cụ thể để tính bồi thường cho 03 hộ gia đình, cá nhân do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nhà bảo tàng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do Sở T3 trình tại Tờ trình số 6022/TTr-STNMT ngày 08 tháng 9 năm 2022 và UBND thành phố V trình tại Tờ trình số 7486/TTr-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2022.

Đến ngày 14 tháng 10 năm 2022, Sở T3 có Tờ trình số 7112/TTr-UBND trình UBND tỉnh B xem xét, phê duyệt phương án giá đất cụ thể để tính bồi thường, hỗ trợ.

Đến ngày 25 tháng 10 năm 2022, UBND tỉnh B đã ban hành Quyết định 3300 về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi thực hiện Bản án hành chính phúc thẩm số 513/2020/HC-PT, 514/2020/HC-PT và 557 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó có trường hợp ông Lê Đình Ấ (Bản án 557).

Trên cơ sở đó, ngày 06 tháng 12 năm 2022, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố V đã lập phương án dự kiến bồi thường bổ sung và tổ chức niêm yết tại trụ sở UBND phường 1 theo văn bản số 3358/PTQĐ-NV1.

Liên quan đến việc bố trí nguồn vốn chi trả, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố V có các văn bản số: 240/PTQĐ-NV1 ngày 06 tháng 02 năm 2023, 648/PTQĐ-NV1 ngày 20 tháng 3 năm 2023 gửi Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh (chủ đầu tư của dự án Nhà bảo tàng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) đề nghị bố trí kinh phí để chi trả cho các hộ gia đình, cá nhân.

Đến ngày 24 tháng 3 năm 2023, Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Q1 có văn bản số 635/SVHTT-KHTC về việc khẳng định bố trí đủ vốn để chi trả bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho 03 hộ gia đình, cá nhân do Nhà nước thu hồi đất thực hiện công trình Nhà bảo tàng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (công trình đã thi công hoàn thành và đưa vào sử dụng).

Trên cơ sở đó, ngày 28 tháng 4 năm 2023, UBND thành phố V đã ban hành Quyết định 1970.

Đến ngày 19 tháng 5 năm 2023, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố V đã tổ chức chi trả cho 03 hộ gia đình, cá nhân trong đó có ông Lê Đình Ấ.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 5190/QĐ-UBND về việc phê duyệt quyết toán hạng mục bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho 03 hộ gia đình, cá nhân do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà bảo tàng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, phường A, thành phố V.

Như vậy, việc khảo sát giá đất cụ thể được thực hiện theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ, Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ T5. Việc khảo sát giá đất được thực hiện đúng trình tự, thủ tục. Do đó, việc ông Lê Đình Ấ yêu cầu hủy Quyết định 3300 là không có cơ sở giải quyết.

Sau khi có Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể của UBND tỉnh; cam kết của chủ đầu tư (Sở Q1) về việc bố trí kinh phí bổ sung chi trả như tại các văn bản đã nêu trên, UBND thành phố V đã ban hành Quyết định 1970 và chi trả tiền vào ngày 19 tháng 5 năm 2023 theo đúng quy trình, quy định. Do đó, ông Lê Đình Ấ yêu cầu hủy Quyết định 1970 là không có cơ sở giải quyết.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 thì giá đất cụ thể để tính bồi thường do UBND cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất (năm 2010). Do đó, việc ông Lê Đình Ấ yêu cầu xác định giá đất bồi

thường là giá đất thị trường tại thời điểm chi trả bồi thường (năm 2023) là không có cơ sở giải quyết.

Việc bồi thường bổ sung cho ông Lê Đình Ân để thực hiện Bản án 557 áp dụng giá đất cụ thể tại thời điểm quyết định thu hồi đất là thực hiện theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013, điểm a khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ. Việc khảo sát giá đất cụ thể do đơn vị tư vấn thẩm định giá độc lập thực hiện khảo sát chi tiết đến từng thửa đất, từng vị trí, từng loại đất cụ thể, không phải áp dụng đơn giá theo bảng giá đất của UBND tỉnh tại thời điểm thu hồi. Do đó, việc ông Lê Đình Ân yêu cầu bồi thường theo giá đất thị trường tại thời điểm chi trả tiền bồi thường đối với diện tích 903,8m² (gồm 230m² đất ở và 673,8m² đất nông nghiệp), hỗ trợ 50% giá đất ở đối với 673,8m² đất nông nghiệp như quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 và khoản 1 Điều 11 Quyết định số 13/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2010 của UBND tỉnh B là không có cơ sở được xem xét giải quyết (đến thời điểm hiện nay, các văn bản này đã hết hiệu lực thi hành).

Từ những viện dẫn ở trên, căn cứ hồ sơ vụ việc, UBND thành phố V đề nghị:

- Bác đơn khởi kiện của ông Lê Đình Ân;
- Giữ nguyên các Quyết định 3300, 1970.

** Người bị kiện UBND tỉnh B chưa có văn bản ý kiến gửi Tòa án.*

**** Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 187/2023/HC-ST ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã quyết định:***

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3, khoản 4 Điều 32, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004; khoản 1 Điều 21 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP; Điều 11 Quyết định số 13/2010/QĐ-UBND của UBND tỉnh B; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình Ân:

- Hủy một phần Quyết định 3300 đối với phần phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường khi thực hiện Bản án 557 tại Điều 1 Quyết định này;

- Hủy một phần Quyết định 1970 đối với phần phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường khi thực hiện Bản án 557 tương ứng vị trí đất và phần hỗ trợ đất tại điểm A và điểm E Điều 1 Quyết định này;

- Buộc UBND thành phố V bồi thường, hỗ trợ đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

*** Ngày 18 tháng 12 tháng 2023, người bị kiện, UBND thành phố V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với lý do:**

Quyết định của án sơ thẩm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của UBND thành phố V, gây thất thoát ngân sách nhà nước.

Nội dung kháng cáo:

** Về thời điểm xác định giá đất cụ thể để tính bồi thường bổ sung:*

- Theo nội dung khiếu nại trước đây và nội dung khởi kiện ban đầu của ông Lê Đình Á gồm các nội dung:

+ Yêu cầu bồi thường bổ sung 80m² đất ở để đảm bảo hạn mức đất ở 230m²/hộ (đã bồi thường 150m² đất ở tại Quyết định 5326).

+ Yêu cầu bồi thường bổ sung 445,8m² đất nông nghiệp đã thu hồi nhưng chưa bồi thường (đã thu hồi 903m² tại Quyết định 2279 và bồi thường 458,0m² tại Quyết định 5326).

+ Yêu cầu tính lại vị trí 2 đường T (đã xác định vị trí 3 đường T theo Quyết định 5326).

- Tại Bản án sơ thẩm số 80/2019/HC-ST ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (lần 1) quyết định:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường bổ sung 80m² đất ở và buộc cơ quan có trách nhiệm bồi thường thực hiện chi trả tiền bồi thường đợt 2 năm 2011 (tương ứng phần tiền bồi thường về đất chưa nhận trong năm 2010) cho hộ ông Lê Đình Á theo quy định của pháp luật.

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện khác của ông Á.

- Tại Bản án 557 đã sửa Bản án sơ thẩm, hủy Quyết định 5326 và buộc cơ quan có thẩm quyền thực hiện chính sách bồi thường và chi trả tiền bồi thường cho hộ ông Lê Đình Á theo đúng quy định pháp luật.

Như vậy, để thực hiện Bản án 557 cần áp dụng các quy định của Luật Đất đai năm 2013, các Nghị định thi hành Luật Đất đai năm 2013, Thông tư hướng dẫn kèm theo. Đến thời điểm hiện nay, UBND thành phố V đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung Bản án 557; nay người khởi kiện tiếp tục khởi kiện các nội dung ngoài các nội dung khiếu nại và khởi kiện trước đây làm phát sinh các tình tiết mới là không đúng quy định của pháp luật.

Theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, xác định hộ ông Lê Đình Á thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ, tức là đã có quyết định thu hồi đất (Quyết định 2279 không bị hủy bởi các bản án), nhưng chưa có

quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường (Quyết định 5326 đã bị hủy một phần tại Bản án sơ thẩm và hủy toàn bộ tại Bản án 557).

Do đó, khi thực hiện lại thủ tục bồi thường, hỗ trợ theo quy định pháp luật, phải áp dụng các quy định, chính sách tại thời điểm Luật, Nghị định, Thông tư đang có hiệu lực thi hành.

Khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất như sau: *“Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do UBND cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”*.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, theo đó nhận định: *“Thời điểm có quyết định thu hồi đất là ngày 13 tháng 6 năm 2008 đến nay đã 15 năm, giá đất thực tế trên địa bàn thành phố V đã tăng lên rất nhiều nhưng Quyết định 3300 phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường về đất cho ông Lê Đình Á lại tính theo giá đất tại thời điểm tháng 10 năm 2010 là trái với quy định của Nghị định số 197/2004/NĐ-CP nêu trên và làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông Á, do đó có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện”*, là trái quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 và không đúng bản chất sự việc (vì việc thu hồi đất đã thực hiện xong tại thời điểm năm 2010).

Như vậy, Nhà nước không thu hồi đất tại thời điểm hiện nay, do đó, các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình Á về việc bồi thường đất theo giá thị trường tại thời điểm chi trả bồi thường, đồng thời hủy một phần Quyết định 3300 là trái quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013.

Do đó, việc người bị kiện xác định thời điểm khảo sát giá đất cụ thể là năm 2010 (thời điểm thu hồi đất) là đúng quy định của pháp luật hiện nay.

** Về chính sách hỗ trợ đất nông nghiệp:*

Án sơ thẩm nêu: *“... Quyết định 5326 về phê duyệt kinh phí bồi thường cho hộ gia đình ông Á ban hành ngày 18 tháng 11 năm 2010 nên khi bồi thường lại phải áp dụng các quy định pháp luật tương ứng tại thời điểm này là đúng quy định pháp luật”*.

Điều hiển nhiên, tại thời điểm Bản án 557 có hiệu lực, Luật Đất đai năm 2003, Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009, Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ đã hết hiệu lực thi hành. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát cấp sơ thẩm, theo đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình Á về việc hỗ trợ 50% giá đất ở đối với đất nông nghiệp (diện tích đất được hỗ trợ bằng 05 lần hạn mức giao đất của UBND tỉnh B) như quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ là không đúng quy định của pháp luật và mâu thuẫn với chính nội dung nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm như nêu trên.

Trường hợp UBND thành phố V ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường theo giá đất cụ thể khảo sát tại thời điểm hiện nay, thì UBND thành phố V phải thực hiện lại việc giao đất tái định cư, đồng thời phải tính toán lại số tiền sử dụng đất ông Lê Đình Á phải nộp theo giá tại thời điểm hiện nay đối với 01 lô đất tái định cư được giao và thực hiện khấu trừ vào số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung mới.

Từ những lý do trên, UBND thành phố V, Chủ tịch UBND thành phố V đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét lại toàn bộ vụ án (từ khi ông Á khiếu nại đến khi UBND thành phố V ban hành Quyết định 1970), đồng thời UBND thành phố V, Chủ tịch UBND thành phố V kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:**

- **Người kháng cáo UBND thành phố V vắng mặt, có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có kháng cáo, trình bày:** Giữ nguyên các lý do, nội dung và yêu cầu kháng cáo của UBND thành phố V như đơn kháng cáo ngày 18 tháng 12 năm 2023 đã nêu trên, cụ thể yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình Á.

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND tỉnh B, trình bày:** Quyết định 3300 là đúng quy định của pháp luật nên thống nhất theo các lý do và yêu cầu kháng cáo của UBND thành phố V, vì thế đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố V, sửa án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện ông Lê Đình Á.

- **Bà Hoàng Thị V - người đại diện hợp pháp của người khởi kiện trình bày:** Giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình Á theo nội dung án sơ thẩm đã nêu, đồng ý với nhận định và quyết định của án sơ thẩm, nên yêu cầu Hội đồng xét xử bác kháng cáo của UBND thành phố V, giữ nguyên án sơ thẩm.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

Về tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính, không có vi phạm.

Về nội dung:

1. **kháng cáo về giá đất bồi thường cho ông Á:** Nhận thấy, Quyết định 3300 phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường được khảo sát, đề xuất vào tháng 10 năm 2010 với đơn giá như sau: Giá đất ở đường T, đường L - vị trí 2: 27.501.000 đồng; đường loại 1 - vị trí 3: 19.251.000 đồng; Giá đất nông nghiệp đường T, đường loại 1: 600.000 đồng. Trong khi đó, theo Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 quy định về bảng giá đất định kỳ 05 năm trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đang có hiệu lực pháp luật, giá

đất ở tại các phường của thành phố V, đường loại 1 - vị trí 2 chỉ có giá 17.810.000 đồng; đường loại 1 - vị trí 3 giá 13.700.000 đồng/m² và giá đất nông nghiệp vị trí 1 chỉ có giá 300.000 đồng/m². Như vậy, tại thời điểm ban hành Quyết định 3300 thì bảng giá đất theo Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đang có hiệu lực pháp luật và giá đất ở, giá đất nông nghiệp theo bảng giá đất lại thấp hơn giá đất được bồi thường cho ông A theo Quyết định 3300. Vì vậy, tuy UBND tỉnh khảo sát giá tại thời điểm tháng 10 năm 2010 nhưng giá đất cụ thể lại cao hơn bảng giá đất định kỳ 05 năm là đảm bảo tối đa quyền, lợi ích hợp pháp của ông A.

2. *Kháng cáo về việc hỗ trợ cho ông A 50% giá đất ở đối với diện tích đất nông nghiệp 673,8m² (không vượt quá 230m² x 05):* Phương án bồi thường năm 2010 của UBND thành phố V và Quyết định 5326 có áp dụng quy định về chính sách hỗ trợ 50% giá đất ở cho ông A (BL 60). Tuy nhiên, vào năm 2010, UBND xác định thiếu diện tích bồi thường, sai hạn mức đất ở cho ông A, sai vị trí đất là lỗi của UBND, dẫn đến xác định sai diện tích để hỗ trợ là ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông A.

Bên cạnh đó, tại trang số 15, Bản án 557 cũng nhận định “*phần đất nông nghiệp ông A được hỗ trợ 50% giá đất ở là 903,8m² - 230m² = 673,8m² là có cơ sở chấp thuận*”. Như vậy, Bản án phúc thẩm số 557/2020/HC-PT và Bản án sơ thẩm số 187/2023/HC-ST đã xác định diện tích đất ở của ông A là 230m² và buộc UBND phải tiến hành hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư theo 50% giá đất ở, không vượt quá 05 lần hạn mức giao đất ở tại địa phương là phù hợp. Do đó, việc UBND cho rằng đã áp dụng Luật Đất đai năm 2013 để khảo sát giá đất cụ thể bồi thường thì không đồng thời áp dụng chính sách hỗ trợ đất nông nghiệp trong khu dân cư quy định tại Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 là không có căn cứ; xác định thiếu diện tích bồi thường nên từ năm 2010 cho đến nay, phần diện tích 673,8m² đáng lẽ ông A được hỗ trợ theo quy định nhưng UBND lại bỏ qua, quyền lợi của ông A bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Từ những phân tích và lập luận trên, có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố V đối với việc giữ nguyên phần phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường cho ông A. Vì thế, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của người bị kiện, sửa một phần án sơ thẩm; bác yêu cầu của ông Lê Đình A về yêu cầu hủy Quyết định 3300; giữ nguyên một phần án sơ thẩm phần: Hủy một phần Quyết định 1970 đối với phần phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường khi thực hiện Bản án 557 tương ứng vị trí đất và phần hỗ trợ đất tại điểm A và điểm E Điều 1 Quyết định này; Buộc UBND thành phố V bồi thường, hỗ trợ đất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về thủ tục:

[1] Đơn kháng cáo của UBND thành phố V còn trong hạn luật định và hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định là đúng theo quy định tại Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Người bị kiện có yêu cầu xét xử vắng và có mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nên căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện.

[4] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định:

Xét thấy, các quyết định hành chính bị kiện được ban hành là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Xét kháng cáo của UBND thành phố V:

[1] Về tính pháp lý của Quyết định 3300 và Quyết định 1970:

[1.1] Về việc áp giá đất bồi thường:

Quyết định 3300 (BL 49) căn cứ văn bản số 133/STC-HĐTĐGDCT ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể về việc thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính bồi thường khi thực hiện Bản án hành chính phúc thẩm số 513/2020/HC-PT, 514/2020/HC-PT, 557 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và căn cứ Tờ trình số 7486/TTr-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2022 của UBND thành phố V về nội dung tương tự như trên để xác định đơn giá đất bồi thường. Tại Tờ trình số 7486/TTr-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2022 của UBND thành phố V ghi thời điểm xác định giá đất bồi thường là tháng 10 năm 2020 (trang 4 - Nhận xét). Tại văn bản 133/STC ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể thì tại trang 3 ghi Thời điểm định giá là tháng 10 năm 2010. Như vậy, tại Quyết định 3300 nói trên xác định giá cụ thể để đền bù cho ông Lê Đình A theo Bản án 557 là tháng 10 năm 2010.

Quyết định 1970 căn cứ Quyết định 3300 trên để tính bồi thường cho ông Lê Đình A.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố V cho rằng Bản án 557 chỉ hủy Quyết định 5326 mà không hủy Quyết định 2279 để thực hiện yêu cầu bồi thường, hỗ trợ và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường dựa trên Tờ trình của UBND thành phố V khảo sát giá đất cụ thể năm 2010 để bồi thường tại thời điểm năm 2023 là không đúng quy định pháp luật. Bởi lẽ, ông A đồng ý Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án và chỉ không đồng ý quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường về vị trí, khu vực; xác định diện tích đất bồi thường nên không khởi kiện đối với quyết định thu hồi đất. Tại Bản án 557 nói trên của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không giải quyết liên quan đến quyết định thu hồi đất là đúng quy định pháp luật. Quyết định 5326 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường ban hành ngày 18

tháng 11 năm 2010 nên khi bồi thường lại phải áp dụng các quy định pháp luật về bồi thường tương ứng tại thời điểm này, tức là phải áp dụng pháp luật tại thời điểm ban hành quyết định về việc phê duyệt kinh phí bồi thường bị hủy bỏ, do Quyết định 5326 nêu trên bị hủy bỏ là do lỗi của người bị kiện đã ban hành không đúng quy định của pháp luật nên mới bị hủy bỏ như Bản án 557 đã nhận định và quyết định, từ đó dẫn đến việc bồi thường chậm. Vì thế, kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố V cho rằng khi ban hành lại quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường vào năm 2023 thì phải áp dụng pháp luật tại thời điểm năm 2023 (tức là phải áp dụng Luật Đất đai năm 2013, Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013) là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 quy định: “2. Trường hợp thực hiện bồi thường chậm được quy định như sau: a) Bồi thường chậm do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra mà giá đất tại thời điểm bồi thường do UBND cấp tỉnh công bố cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường; nếu giá đất tại thời điểm bồi thường thấp hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi”.

Như vậy, trường hợp đối với lỗi của cơ quan nhà nước dẫn đến việc chậm bồi thường trước khi Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực pháp luật (ngày 01 tháng 7 năm 2014) thì áp dụng quy định này (tức là phải tính đơn giá đất cụ thể tại thời điểm trả tiền bồi thường nếu giá này cao hơn giá bồi thường năm 2010). Việc bồi thường này không phụ thuộc vào lần bồi thường lần trước ông A đã nhận tiền. Số tiền nhận bồi thường lần sau sẽ tính trừ đi số tiền ông A đã nhận của lần trước.

[1.2] Về việc thực hiện xác định vị trí, hỗ trợ đất:

Tại trang 15, Bản án 557 đã nhận định ông A đủ điều kiện để được bồi thường 903,8m² đất. Do trước đây tại Quyết định 5326 chỉ xác định phần đất ông A được bồi thường là 458,0m²; phần 445,8m² là đất ông A lấn chiếm của Công ty L1 nên xác định vị trí đất là đường loại 1 - vị trí 3, nay bồi thường lại phải xác định lại vị trí đất mới đúng quy định pháp luật. Phần diện tích đất này giáp đường T hơn so với phần diện tích đất của ông Đỗ Văn D (phần đất của bố bà Đỗ Thị D1 khi bồi thường lại đã xác định là vị trí 2). Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố V cho rằng hiện trạng đất đã làm Nhà bảo tàng nên giữ nguyên quan điểm vị trí 3.

Như phân tích trên, việc bồi thường lại của UBND thành phố V chưa xác định lại vị trí đất là vị trí 2 hay 3 tương ứng với thửa đất nào là chưa đúng quy định pháp luật. Tại Quyết định 1970 (BL 47-49) cũng không tính lại tiền hỗ trợ đất cho ông Lê Đình A mà chỉ ghi phần này đã được hỗ trợ tại Quyết định 5326 là chưa đúng quy định pháp luật và chưa đúng với Bản án 557. Bởi lẽ, như phân tích trên, vị trí đất là vị trí 2 hay 3, đường loại 1 tương ứng với thửa đất thu hồi phải xác định lại nên việc hỗ trợ phải tính lại theo giá đất ở vị trí tương ứng này.

[2] Từ những nhận định trên, xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với Quyết định 1970 là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận một phần; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đối với Quyết định 3300 là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận. Vì thế, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của UBND thành phố V, giữ nguyên án sơ thẩm.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm:

UBND thành phố V phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm theo khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000169 ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nên không phải nộp thêm.

[4] Quyết định của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3, khoản 4 Điều 32, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 225, khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ khoản 1 Điều 21 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009;

Căn cứ Điều 11 Quyết định số 13/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh B;

Căn cứ khoản 2 Điều 32, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 187/2023/HC-ST ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Lê Đình Ấ:

- Hủy một phần Quyết định số 3300/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường khi thực hiện Bản án hành chính phúc thẩm số 513/2020/HC-PT, 514/2020/HC-PT, 557/2020/HC-PT ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (dự án Nhà bảo tàng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, phường

A, thành phố V) đối với phần phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường khi thực hiện Bản án số 557/2020/HC-PT ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại Điều 1 Quyết định số 3300/QĐ-UBND nêu trên.

- Hủy một phần Quyết định số 1970/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2023 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Lê Đình Ấ theo Bản án hành chính phúc thẩm số 557/2020/HC-PT ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với phần phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường khi thực hiện Bản án số 557/2020/HC-PT ngày 21 tháng 9 năm 2020 tương ứng vị trí đất và phần hỗ trợ đất tại điểm A và điểm E Điều 1 Quyết định này.

- Buộc UBND thành phố V thực hiện nhiệm vụ công vụ bồi thường, hỗ trợ đất theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: UBND thành phố V phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000169 ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nên không phải nộp thêm.

4. Quyết định của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu VT (5), HS (2), 20b, (TK-PH).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tửu